FACULTY OF KOREAN STUDIES
APPLIED KOREAN STUDIES CENTER
KING SEJONG INSTITUTE HO CHI MINH 6

INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS

RESEARCH ON EDUCATIONAL - CULTURAL ISSUES IN CONTEMPORARY KOREA

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

TÌNH HÌNH GIÁO DỤC - VĂN HÓA Ở HÀN QUỐC ĐƯƠNG ĐẠI

Da Lat, May 2025

VNU-HCM PRESS

MỤC LỤC

한국인의 사고 변화에 따른 한국 언어문화 양상 분석 연구.....10

김재욱

HÀN QUỐC KỸ THUẬT SỐ VÀ HÀN QUỐC HỌC KỸ THUẬT SỐ.....19

Phan Thị Thu Hiền

CẢI CÁCH GIÁO DỤC BẬC CAO Ở HÀN QUỐC, BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.....38

Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Thị Trà Vy

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ VIỆC LỒNG GHÉP PHIM ẢNH HÀN QUỐC VÀO QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY TIẾNG HÀN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....51

Nguyễn Phan Tố Quyên, Võ Thị Tiểu Mẫn

TÌM HIỂU SỨC MẠNH MỀM CỦA HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY TIẾNG HÀN TẠI 24 TRUNG TÂM KING SEJONG.....69

Trịnh Lê Quỳnh Giao, Nguyễn Minh Giang

한국어 교육 정책 현황과 베트남 대학을 위한 정책 제안.....82

응웬 티 리

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC HÀN QUỐC VÀ AUSTRALIA TỪ NĂM 2001 ĐẾN NAY.....92

Lê Văn Soắn

CHIẾN LƯỢC BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TẠI HÀN QUỐC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM (TRƯỜNG HỢP LÀNG GỐM ICHEON, TỈNH GYEONGGI).....102

Lê Thị Yến Nhi, Lương Quốc An

THE POLICY OF PROMOTING TRADITIONAL KOREAN CULTURE UNDER PRESIDENT YOON SEOK-YEOL 113

Phan Thi Anh Thu

NHẬN THỨC VỀ HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC VĂN HÓA HÀN QUỐC TRONG CÁC TIẾT HỌC TIẾNG HÀN TẠI TRƯỜNG PHỔ THÔNG THUỘC KHU VỰC MIỀN BẮC VIỆT NAM 124

Phạm Quỳnh Giao, Nguyễn Thị Thanh Thủy

VAI TRÒ CỦA ĐÀO TẠO QUỐC TẾ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN NGHỆ THUẬT GUITAR CỔ ĐIỂN TẠI HÀN QUỐC 138

Nguyễn Huỳnh Thy Phương

TINH THẦN HWARANGDO TRONG VÕ THUẬT TAEKWONDO HÀN QUỐC 149

Nguyễn Trần Xuân Mai, Hoàng Nguyễn Anh Thư, Phạm Thị Minh Thư

HÌNH TƯỢNG DOKKAEBI TRONG K-POP 160

Trương Thị Thúy Quỳnh, Shim Hyun Jeong, Bùi Ái Nhân, Phan Trần Diễm Hà

베트남인 학습자를 위한 한국 문화 교육 방안 연구 –한국에 거주 경험이 없는 초급 학습자를 중심으로 183

트란티반

자서전 이땅에 태어나서: 나의 살아온 이야기를 통해 본 호프스테드 문화 차원의 한국 기업가 문화 204

마이김찌

CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP TIẾNG HÀN QUỐC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG 219

Đặng Thị Hồng Nhung, Trần Thị Diễm Hằng, Đoàn Lương Hùng

한국과 베트남의 무상교육 정책 비교 연구: 교육 기회 확대를 중심으로 234

레티특

NGHIÊN CỨU VỀ NHẬN THỨC VÀ THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN TIẾNG HÀN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG CÔNG CỤ AI TẠO SINH GEMINI TRONG VIẾT TIẾNG HÀN 250

Tưởng Thị Hoàng Nga, Nguyễn Thị Ánh Vân, Hồ Thiện Tâm

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN PHÁT ÂM TIẾNG HÀN CỦA SINH VIÊN NGÀNH HÀN QUỐC HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT 263

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

베트남에서의 '-어야 하-' 구성 교수 학습 방안 연구 -문법화론에서 본 의미·문법 특징을 바탕으로- 275

응웬 티 뚜엣 늉, 부하프엉

줄임말의 문제점과 대책: 베트남어와 한국어의 줄임말 유형 비교를 중심으로 296

짠 티 레 항

ỨNG DỤNG WEB DRAMA VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM 307

Lê Lan Hương

베트남인 한국어 학습자의 사과 화행의 수행 양상 분석 연구 319

팜티튀린

'한국 가요'를 활용한 한국어 교수-학습 사례 연구: 페니카대학 한국어과 수업을 중심으로 345

박중현, 응웬티타잉화, 응웬티뜨어이

ỨNG DỤNG CHATGPT VÀ GAMMA APP VÀO GIẢNG DẠY TỪ VỰNG VÀ NGỮ PHÁP TIẾNG HÀN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP 363

Lê Mai Hương Trường Đại học CMC

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG ĐỌC - VIẾT TIẾNG HÀN: TIỀM NĂNG, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 384

Trần Nguyễn Mỹ Hoàn

한-베 대학 협력형 온라인 한국어 튜터링 프로그램 사례 연구 -V 대학교와 S 대학교의 Mentor-Mentee Program 을 중심으로- 397

신아영

베트남인 중급 한국어 학습자의 문어 텍스트에 나타나는 문체 오류 분석 414

탄티튀히엔

베트남인 학습자의 한국어 속담 번역 오류 양상 연구 433

손주영·딘티투히엔·리안푸옹

TƯ TƯỞNG THỰC HỌC TRONG THƯ PHÁP CỦA KIM JONG-HEE 448

Lê Nguyễn Hoàng Yến, Sơn Lê Ngọc Bảo,
Nguyễn Hoàng Yến Nhi, Phùng Thị Thanh Xuân

YẾU TỐ "NÚI" TRONG TỤC NGỮ TIẾNG HÀN VÀ TIẾNG VIỆT 457

Phan Thu Vũ, Lê Công Minh, Nguyễn Lê Hoàng Ly,
Đặng Vi Cát Tường, Đặng Trương Minh Thư

NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA GIÁO DỤC HÀN QUỐC ĐƯƠNG ĐẠI: VĂN HOÁ HAKWON DƯỚI GÓC NHÌN BIỆN CHỨNG 470

Võ Tạ Nguyệt Thu

TÌM HIỂU THÀNH NGỮ TIẾNG HÀN CÓ YẾU TỐ "NƯỚC" 481

Lê Thị Phương Thuỷ, Mai Như Nguyệt

GIÁO DỤC NGHỀ - CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG CỦA NGUỒN NHÂN LỰC HÀN QUỐC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ 492

Nguyễn Thị Hồng Nhung

베트남인 학습자의 한국어 속담 번역 오류 양상 연구

손주영·딘티투히엔[1]·리안푸옹

후에대학교 외국어대학

초록

본 연구는 베트남인 학습자가 한국어 속담을 베트남어로 번역하는 과정에서 발생하는 오류 양상을 분석하고, 그 원인을 살피는 데 목적을 두고 있다. 이를 위해 설문조사와 오류 사례 분석을 실시하였으며, 번역 오류는 '내용 이해 오류', '해석 범위 오류', '번역 과정 오류'의 세 유형으로 범주화하였다. 각 오류는 속담의 의미에 대한 이해 부족, 해석 범위 설정의 어려움, 속담 번역 방식에 대한 인식 부족에서 기인한 것으로 나타났다. 본 연구는 한국어 속담 교육과 통번역 수업에서의 교수·학습 방안 마련에 기초 자료를 제공할 수 있을 것이다.

주제어: *외국어로서의 한국어교육, 한국어 속담, 번역 오류, 베트남인 학습자*

NGHIÊN CỨU CÁC DẠNG LỖI DỊCH TỤC NGỮ HÀN QUỐC CỦA NGƯỜI HỌC TIẾNG HÀN TẠI VIỆT NAM

Son Juyeong, Đinh Thị Thu Hiền, Lê Anh Phương

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm phân tích các dạng lỗi phát sinh trong quá trình người học Việt Nam dịch tục ngữ tiếng Hàn sang tiếng Việt, đồng thời tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến những lỗi dịch thuật đó. Để thực hiện mục tiêu này, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và phân tích các trường hợp lỗi dịch thuật cụ thể. Các lỗi dịch được phân loại thành ba nhóm: "Lỗi liên quan đến mức độ thấu hiểu nội dung", "Lỗi liên quan đến phạm vi diễn giải" và "Lỗi trong quá trình dịch thuật". Các lỗi này chủ yếu bắt nguồn từ việc chưa hiểu đúng ý nghĩa của tục ngữ, gặp khó khăn trong việc xác định phạm vi tiếp nhận nghĩa và diễn giải, và/hoặc thiếu hiểu biết về phương pháp dịch tục ngữ.

[1] dtthiennn@hueuni.edu.vn

Nghiên cứu này được kì vọng có thể cung cấp dữ liệu cơ sở cho việc xây dựng các phương pháp giảng dạy và học tập đối với học phần Tục ngữ Hàn Quốc cũng như các học phần Biên – Phiên dịch.

Từ khóa: *giáo dục tiếng Hàn như một ngoại ngữ, yục ngữ tiếng Hàn, lỗi dịch thuật, người học tiếng Hàn tại Việt Nam*

1. 서론

본 연구는 베트남인 학습자들이 한국어 속담을 베트남어로 번역하는 과정에서 발생하는 오류의 양상을 분석하고, 그 원인을 밝히는 것을 목적으로 한다. 최근 한국어와 베트남어 간 통번역 수요가 지속적으로 증가함에 따라 양 언어 간의 통번역 교육에 대한 관심도 확대되고 있다. 이에 따라 한국에서는 통번역 교재가 개발되기 시작했으며, 관련 전공 및 강좌의 개설도 활발히 이루어지고 있다. 베트남의 경우에도 대부분의 한국어학과 교육과정에 통번역 관련 강의가 포함되어 있으며, 이는 통번역 분야에 대한 교육적·실무적 수요를 방증하는 것이라 할 수 있다.

외국인 학습자가 한국어 통번역을 원활하게 수행하기 위해서는 모국어와 한국어에 모두 능숙해야 하며, 통번역에 필요한 기술과 능력을 갖추어야 한다. 이와 더불어 언어적 능력뿐만 아니라 상호 다른 문화에 대한 이해가 필요하기 때문에 언어적 지식 이외에 다양한 사회문화적 배경지식을 익혀야 한다(이민우, 2012:242-243).

특히 속담은 한국의 사회문화적 배경과 한국인의 가치관을 반영하며, 특정 상황에서 교훈이나 지혜를 전달하는 역할을 한다. 속담은 일상 대화뿐만 아니라 미디어, 교육, 문학, 연설 등의 다양한 분야에서 널리 사용된다. 이처럼 속담은 한국어교육의 필수적인 영역으로 간주되어, 한국어 교육 자료에서 항상 포함되어 제시되는 학습 내용이다. 이를 통해 과거에는 속담을 주로 이해 영역으로 보고 언어문화교육을 중심으로 활용했으나, 본고에서는 최근 통·번역 수요 및 속담의 활용도 증가에 따라 속담을 표현 영역으로 확장하고 통·번역 교육의 중요한 교육 내용으로서 그 필요성을 강조하고자 한다.

그러나 속담은 언어 맥락적 요소에 대한 이해도 필요할 뿐만 아니라 통번역 과정에서도 직역이 어려운 경우가 많고, 문화적 차이로 인해 오역이 발생할 가능성이 높다. 특히 베트남어와 한국어는 서로 다른 어족에 속하며,

언어 구조뿐만 아니라 문화적 배경에서도 차이가 있다. 이러한 차이로 인해 나타나는 통번역 오류는 단순한 언어적 실수에서 비롯되기도 하지만, 근본적으로는 문화적 배경 지식의 부족, 속담의 함축적 의미에 대한 이해 부족, 그리고 적절한 대응 표현의 부재 등에서 기인할 가능성이 높다,

따라서 본 연구에서는 베트남 후에 외국어 대학교의 한국 언어 및 문화학과 고학년 학생들을 대상으로 속담 통번역에 대한 설문조사를 실시하여, 통번역하는 과정에서 겪는 주요 오류 양상을 파악하고, 그 원인을 파악하고자 한다. 분석 결과를 바탕으로 본고에서는 학습자들이 한국어 속담을 통번역할 때 겪는 어려움을 해결하기 위한 교육 방안을 제시할 것이다. 본 연구는 한국어 속담 교육 및 통번역 교육에 기초 자료를 제공하고, 특히 베트남인 학습자를 대상으로 한 한국어 통번역 교육에 실질적인 시사점을 제시할 것으로 기대된다.

2. 선행연구검토

속담에 관련된 연구는 크게 한국어 속담 교육 연구, 한국어와 베트남어의 속담 비교 연구, 한국어 학습자의 속담 사용 양상 분석에 관련된 연구로 나눌 수 있다.

한국어 속담은 한국의 문화와 가치관을 반영하는 중요한 요소이다. 외국인 학습자들은 속담을 흥미롭게 생각하면서도, 실제로 이를 활용하는 데에는 어려움을 겪고 있다. 이에 따라 한국어 속담 교육을 위한 교육용 속담의 선정 및 등급화, 교육 방안에 관한 연구가 다수 진행되었다(김선정·김성수, 2006; 조현용, 2007; 박덕영, 2015; 김경열, 2017 등). 그러나 기존 연구들은 속담의 이해 및 문화 요소 교육에 집중한 경향이 있으며, 실제 활용 능력 함양보다는 수용 및 이해 중심의 교육에 초점을 맞추었다.

한국어와 베트남어 속담에 관한 연구들은 주로 두 언어의 속담에서 나타나는 의미적 특성, 그리고 문화적 차이를 비교하는 데 중점을 두었다. Trần Văn Tiếng (2008) 은 한국어와 베트남어 속담에서 공통적으로 나타나는 의미 범주를 도출하고, 두 언어 간의 문화적 차이를 분석하여 속담의 언어적·문화적 특성을 규명하였다. 또한, Hoàng Thị Yến (2006) 은 한국어와 베트남어 속담을 비교하면서 속담이 단순한 언어적 표현을 넘어서 비판적, 교육적, 시대 반영적 기능을 수행한다고 하였다.

한편, 한국어 학습자의 속담 번역 양상을 분석한 연구는 부족한 실정이다. 한국어 학습자의 속담 사용 양상을 분석한 연구는 임은하(2009), 송은정(2023) 등이 있으나 속담 번역 양상을 분석한 연구는 찾아보기 힘들었다. 임은하(2009)는 한국어 학습자의 쓰기 평가 자료를 기반으로 속담 오류 유형을 수집하고 분석하여, 의미 학습뿐만 아니라 실제 표현 능력을 향상시킬 수 있는 교육 방안의 필요성을 강조하였고, 송은정(2023)은 한국어 학습자의 속담 사용의 형태적 양상을 살피고 속담 인용 표지와 문법 오류 방지를 위한 교육과 속담의 변형과 관련된 교육 방안이 필요하다고 언급하였다. 이 연구들은 학습자의 실제 사용 양상을 분석하고, 이를 해결하기 위한 교육적 개선 방안을 모색했다는 점에서 의의가 있다.

따라서 본고에서는 학습자가 한국어 속담을 번역할 때 나타나는 오류 양상과 그 원인을 살펴 보다 적절하고 정확하게 통·번역할 수 있도록 하는 체계적인 교육 방안이 필요하다고 보았다. 이를 위해 먼저 베트남인 학습자를 대상으로 설문조사를 실시하고 속담 번역 과정에서 나타난 오류 유형을 분석하는 작업을 수행함으로써 한국어 교육의 실용적 접근에 대한 요구에 대응하고자 한다.

3. 연구 대상 및 연구 방법

본 연구는 베트남 후에외국어대학교 한국어학과의 ‘통번역 실천’ 교과목을 수강한 총 192명의 학습자를 대상으로 설문조사를 실시하였으며, 이 중 무작위로 추출한 100명의 응답 자료를 분석 대상으로 선정하였다.

후에외대를 비롯한 베트남 내 다수의 한국어학과 교육과정에서는 통번역 관련 교과목이 비교적 높은 비중을 차지하고 있으며, 학습자들 역시 한국어 통번역의 중요성과 교육적 필요성에 대해 중요하게 인식하고 있다. 학습자들은 2학년부터 ‘통번역 이론’을 통해 통번역의 기초 개념을 습득한 후, 3학년 때 ‘통번역 실천’ 교과목을 통해 실제 업무에 기반한 통번역 자료를 활용하여 실질적인 역량을 강화하고 있다. 특히 지난 학기에는 한국어 속담과 관용어를 주제로 한 강의를 진행하였고, 이 과정에서 다수의 학습자들이 속담의 번역에 어려움을 느끼는 것으로 나타났다. 이에 본 연구는 한국어 속담의 통번역 과정에서 발생하는 오류 양상을 구체적으로 분석하고, 그 원인을 규명하고자 한다.

한편, 본고에서는 속담을 선정하기 위해 한국의 대학 내 한국어교육기관에서 활용되는 교재 5종을 분석하여, 교재 내 제시 빈도를 바탕으로 24개의 속담을 선정하였다. 이는 해당 교재들이 학습자들이 한국어를 배울 때 많이 사용하는 표준화된 교수 자료이며, 교육 현장에서의 실제 사용 빈도와 교육적 중요도를 반영하고 있기 때문이다. 또한, 교재에 수록된 속담은 교육적 선별 과정을 거쳐 선정된 것으로, 학습자에게 문화적·언어적으로 유의미한 표현들이라 판단할 수 있어 속담 선정을 위한 참고 자료로 적합하다고 보았다. 본고에서 선정한 24개의 속담은 <표 1>에서 제시하였다.

<표 1> 교재 분석을 통해 선정한 한국어 속담 목록

순서	한국어 속담	해당 베트남어 속담, 성어, 관용어, 표현
1	가는 말이 고와야 오는 말이 곱다	Muốn người khác nói lời hay, trước hết mình phải dùng lời đẹp. Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau
2	소 잃고 외양간 고친다	Mất bò mới lo làm chuồng
3	수박 겉핥기다	Cưỡi ngựa xem hoa Làm đại cho xong, làm qua loa, làm cho có, làm hời hợt, làm sơ sài, làm cho có lệ, ẩu tả, v.v.
4	가는 날이 장날이다	Tích cực: Số hưởng/ Tự nhiên hên/ Thời tới, Ăn mày gặp chiếu manh/ Chuột sa chĩnh gạo, Mèo mù vớ cá rán Tiêu cực: Mưu sự tại nhân hành sự tại thiên/ Người tính không bằng trời tính
5	산 넘어 산이다	Khó chồng khó/ Tréo ngoe đủ đường/ Rối như canh hẹ/ Chó cắn áo rách/ Chạy trời không khỏi nắng/ Đã khó chó cắn thêm/ Hoạ vô đơn chí/ Lên thác xuống ghềnh
6	금강산도 식후경이다	Có thực mới vực được đạo
7	등잔 밑이 어둡다	Xa tận chân trời, gần ngay trước mắt/ Bụt nhà không thiêng

순서	한국어 속담	해당 베트남어 속담, 성어, 관용어, 표현
8	벼는 익을수록 고개를 숙인다	Lúa càng chín càng cúi đầu
9	밑 빠진 독에 물 붓기다	Công dã tràng/ Dã tràng se cát
10	호랑이도 제 말 하면 온다	Nhắc Tào Tháo, Tào Tháo đến
11	아니 땐 굴뚝에 연기 날까	Không có lửa làm sao có khói
12	싼 것이 비지떡이다	Của rẻ là của ôi/ Tiền nào của nấy
13	발 없는 말이 천리 간다	Lời đã nói có thể lan xa hơn ngàn dặm
14	병 주고 약 준다	Vừa đấm vừa xoa
15	티끌 모아 태산	Kiến tha lâu cũng đầy tổ/ Góp gió thành bão/ Tích tiểu thành đại
16	우물 안 개구리	Ếch ngồi đáy giếng
17	하늘의 별 따기	Khó như hái sao trên trời
18	세 살 적 버릇 여든까지 간다	Trung tính: Giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời Tích cực: Gieo nết đẹp từ thơ ấu, gặt nhân cách lúc trưởng thành Tiêu cực: Ngựa quen đường cũ/ Tật xấu khó bỏ/ Chứng nào tật nấy
19	원숭이도 나무에서 떨어진다	Thánh nhân cũng có lúc nhầm
20	갈수록 태산이다	Khó chồng khó/ Tréo ngoe đủ đường/ Rối như canh hẹ/ Chó cắn áo rách/ Chạy trời không khỏi nắng/ Đã khó chó cắn thêm/ Họa vô đơn chí/ Lên thác xuống ghềnh
21	백지장도 맞들면 낫다	Dù là việc nhẹ cũng nên san sẻ
22	입에 쓴 약이 몸에 좋다	Thuốc đắng đã tật, sự thật mất lòng
23	팔은 안으로 굽는다	Thiên vị người nhà, ưu ái người quen
24	천 리 길도 한 걸음부터	Hành trình vạn dặm cũng bắt đầu từ một bước chân

설문 문항은 학습자의 기본 정보와 더불어, 속담 접촉 빈도, 각 속담에 대한 의미 설명, 베트남어 번역, 사용 가능한 상황, 번역 난도 등에 대한 질문으로 구성되었다. 또한, 설문조사는 수업 시간에 인쇄된 설문지를 직접 배포하여 응답을 받는 방식으로 진행되었으며, 학습자들은 설문 조사하는 동안 스마트폰 사용이 금지되었다. 이를 통해 설문조사 결과의 신뢰도를 높이고자 하였다.

수집한 응답 자료는 연구자 3인이 공동으로 분석을 진행하였다. 분석의 객관성과 신뢰성을 확보하기 위해 각 연구자가 독립적으로 오류 유형을 분류한 뒤, 분류 결과를 상호 비교하고 논의하여 최종적으로 오류 유형을 설정하였다. 분석 과정에서는 학습자의 오류 사례를 바탕으로 유사한 특성에 따라 범주화하였다. 이를 통해 학습자의 번역 오류에 내재된 언어적·문화적 요인을 다각도로 해석하고자 하였다.

4. 연구 결과

본 연구에서는 학습자들의 속담 번역 오류 양상을 그 원인에 따라 크게 세 가지 유형으로 범주화하였다. 한국어 속담 번역 오류 유형과 그 원인을 구체적으로 제시하면 다음 <표 2>와 같다. 이하에서는 학습자들의 속담을 번역하는 과정에서 나타난 오류 사례를 중심으로 각 오류 유형의 특징과 원인에 대해 살펴볼 것이다.

<표 2> 속담 오류 유형 및 오류 원인

오류 유형	오류 원인
내용 이해 오류	내용 이해 부족
내용 해석하는 범위에서 오류	의미 축소 번역
	의미 확대 번역
내용은 이해했으나, 번역 과정에서 오류	직역으로 인한 오류
	배경지식 부족
	설명식 번역으로 인한 오류

먼저, 첫 번째 오류 유형은 속담의 내용에 대한 이해 부족으로 인한 오역이다. 이는 학습자들의 어휘력 부족 또는 은유적 표현에 대한 이해 부족과 관련이 있었다. 학습자들은 한국어 속담의 전체 맥락과 교훈적 의미를 충분히 이해하지 못한 채, 개별 어휘에 주목하여 번역하였다. 이러한 오류 유형에 해당하는 대표적인 사례를 아래에서 살펴보고자 한다.

“발 없는 말이 천리 간다”는 “한 번 한 말은 순식간에 멀리 퍼진다” 해서 “말할 때 조심하라”는 의미이다. 그러나 많은 학습자들이 “Tiếng lành đồn xa” (좋은 소문이 멀리 퍼진다)”, 혹은 “Tiếng lành đồn gần, tiếng xấu đồn xa” (좋은 소문은 많이 안 퍼지도 안 좋은 소문은 멀리 퍼진다) 해서 “좋은 일을 많이 하고 착하게 살아라”라는 의미의 표현으로 번역하였다. 이는 학습자들이 “말” 그리고 “천리 간다”는 어휘에만 집중해서 베트남어에 비슷한 어휘로 구성된 속담의 내용으로 착각하게 됐을 가능성이 크다.

두 번째 오류 유형은 속담을 번역할 때 해석하는 범위를 잘못 이해해서 생긴 오류이다. 이 유형은 두 가지 유형으로 하위 분류할 수 있는데, 첫번째 유형은 의미를 축소해서 번역해서 오류가 생긴 유형이고, 두번째 유형은 의미를 확대해서 번역해서 오류가 생긴 유형이다. 의미 축소 번역은 일부 어휘나 문법 요소에만 초점을 맞추어 전체 속담 의미가 제대로 전달되지 않는 양상으로 나타났고, 의미 확대 번역은 필요 이상의 설명이나 확장을 시도하면서 속담의 핵심 의미가 흐려지는 양상으로 나타났다.

먼저, 의미를 축소해서 번역하여 의미 오역이 생긴 사례이다.

“입에 쓴 약이 몸에 좋다”는 “입에 쓴 약을 먹어 줘야 병이 빨리 낫는다”는 의미에 한한 것이 아니라 “자기에 대한 충고나 비판이 당장은 듣기에 좋지 않지만 그것을 달게 받아들이면 자기 수양에 이롭다”는 의미로 확대해서 이해해야 한다. 그러나 오로지 “Uống thuốc đắng thì mới nhanh khỏi bệnh” (입에 쓴 약을 먹어 줘야 병이 빨리 나아진다)의 의미로만 축소해서 번역한 학습자들이 있었다.

다음은 의미를 확장해서 번역하여 의미 오역이 생긴 사례이다.

“가는 말이 고와야 오는 말이 곱다”는 “말 혹은 말하는 태도나 자세가 좋아야 좋은 말 혹은 좋은 태도의 말을 받을 수 있다”는 의미이다. 그러나 “Nếu đối xử tốt với ai đó thì sau này sẽ được người đó đối xử tốt trở lại” (다른 사람에게

친절하게 대해 줘야 나중에 그 사람이 나에게 친절하게 대해 줄 수 있다)는 의미의 표현으로, 즉 착하게 행동하라는 의미로 확장해서 번역해 오역을 한 학습자들이 있었다

또한, 한국어 속담 "하늘의 별 따기"는 이루기 매우 어렵거나 거의 불가능한 일을 비유적으로 나타내는 표현이다. 이에 대응하는 베트남어 속담이 없고 해당 표현은 "Khó như hái sao trên trời" (하늘에서 별 따기만큼 어렵다)인데, 학습자는 이를 "Đập đá vá trời" (바위를 부수어 하늘을 수선한다)로 번역하였다. 이 표현은 표면적으로는 불가능하거나 어려운 일을 비유한다는 점에서 유사해 보일 수 있으나, 실제로는 의미의 범위를 지나치게 확장하여 오역을 초래한 경우에 해당한다. "Đập đá vá trời"는 단순히 어려움을 넘어서 초인적인 노력이나 불가능한 도전을 암시하는 영웅적 서사에 가까운 표현으로, 원문 속담이 가진 의미와는 차이가 있다. 따라서 이는 속담 번역 시 해석 범위를 잘못 이해해서 생긴 오류, 그 중에서도 의미를 확대하여 오역한 사례로 분류할 수 있다. 이 사례는 속담의 문화적, 의미적 적절성을 고려하지 않고 표면적 유사성에만 의존할 경우 발생할 수 있는 번역 오류의 전형적인 예라 할 수 있다.

세 번째 오류 유형은 학습자들이 속담의 내용은 이해했으나, 번역 과정에서 오류가 나타난 유형이다. 이 유형은 인해 문화적 맥락을 고려하지 않은 직역으로 인한 오류, 배경지식의 부족으로 인한 오류, 대응 표현이 있음에도 불구하고 설명식 번역을 택해 나타난 오류로 나눌 수 있다.

일반적으로 직역과 설명식 번역 방식은 하나의 번역 전략으로 간주될 수 있다. 그러나 본고에서는 이를 속담의 함의적 특징을 이해하고 번역하는 데 요구되는 배경지식과 문화 간 소통 능력이 충분히 갖추어지지 않았기 때문에 번역 방법을 잘못 판단한 것으로 판단하였다. 즉, 베트남어에 한국어 속담과 동일한 의미의 속담이 존재하는 경우에는 그 속담으로 번역하고, 동일한 의미의 속담이 존재하지 않을 경우에는 설명식 번역 방식을 적용하는 것이 바람직하다고 보았다. 이에 따라 학습자가 이러한 기준에 따라 속담을 번역하지 않은 경우, 이를 오역으로 판단하였음을 밝히는 바이다.

먼저, 직역으로 인한 오역 사례이다.

"수박 겉핥기"는 "어떤 일을 깊이 있게 하지 않고 겉만 대충 훑어본다"는 의미이다. 베트남어에는 거의 똑같은 의미인 속담이 있는데, 바로 "Cưỡi ngựa xem hoa" (말 타고 꽃 구경하기)이다. 그러나 이런 속담이 있다는 것을 미처 생각

못 하거나, 속담 번역 방법에 대한 이해가 부족한 학습자들은 한국어 속담 원문 그대로 “Liếm vỏ dưa hấu” (수박 겉핥기) 의 표현으로 베트남어로 번역하였다.

“원숭이도 나무에서 떨어진다”는 “아무리 능숙한 사람이라도 실수할 수 있다”는 뜻이다. 이에 해당하는 베트남어 속담은 “Thánh nhân cũng có lúc nhầm” (성인도 실수할 때가 있다)이다. 이 표현은 지혜롭고 실수하지 않을 것처럼 보이는 사람도 실수할 수 있다는 의미로, 한국어 속담의 내포된 의미를 가장 자연스럽게 옮긴 표현이다. 그러나 많은 학습자가 원문 그대로 “Khỉ cũng rơi từ trên cây” (원숭이도 나무에서 떨어진다)으로 번역했다. 이는 학습자는 한국어 속담의 문자적 표현을 그대로 베트남어로 옮겼으나, 베트남어 사용자에게 자연스럽게 받아들여지는 표현이 아니며, 그 문화적 함의 또한 제대로 전달되지 않았다. 이 오역은 전형적인 직역 오역 유형으로, 학습자는 한국어 속담의 표현을 단어 단위로 번역하는 데 집중하였고 결과적으로 베트남어권 화자가 실제로 사용하는 대응 속담이나 관용 표현을 사용하지 못하였다. 속담은 단순한 어휘의 조합이 아니라 문화적 함의와 상황 맥락이 함께 작용하는 언어 단위이므로, 학습자는 대상 언어권에서 실제로 통용되는 속담이나 표현을 활용하는 전략을 익힐 필요가 있다.

다음은 학습자가 한국어 속담에 대한 배경지식의 부족으로 인해 대응되지 않는 의미의 표현으로 번역하여 오류가 생긴 사례이다.

“팔은 안으로 굽는다”는 자신과 가까운 사람이나 관계된 일에 유리하게 편드는 경향을 비유적으로 표현한 것으로, 공정성을 잃고 내 편을 드는 인간 심리를 나타낸다. 이 속담은 베트남어에 직접적으로 대응되는 표현은 없으나, 의미를 명확히 해석하여 “Thiên vị người nhà, ưu ái người quen” (지인에 대한 편애)과 같이 설명식 표현으로 번역하는 것이 자연스럽다. 그러나 한 학습자는 이를 “Máu chảy đến đâu, ruồi bâu đến đấy” (피가 흐르는 곳에는 파리가 모여든다)로 번역하였다. 이 표현은 부유하거나 유리한 위치에 있는 사람에게 기회주의적으로 몰려드는 현상을 나타내는 것으로, 속담의 본래 의도인 ‘편애’보다는 ‘기회주의’ 또는 ‘이익 추구’의 의미가 강조된다. 따라서 이는 속담의 의미를 정확히 이해하지 못하고 대응되지 않는 표현으로 번역한 사례, 즉 배경 지식 부족으로 인한 의미 오역에 해당한다고 볼 수 있다. 이 사례는 속담의 사회문화적 함축성을 무시하고 표면적 연관성에만 의존하여 잘못된 대응 표현을 선택한 결과로, 속담 번역 교육에서 문화적 맥락 이해의 중요성을 시사한다.

마지막 오류 유형은 속담의 특성에 대한 이해 부족에서 비롯된 오역이다. 속담은 함축적 의미를 지니는 표현으로, 문화적 맥락과 언어적 함의를 함께 고려해야 한다. 그러나 학습자들은 베트남어에 한국어 속담과 의미가 유사한 표현이 있음에도 불구하고, 이를 적절히 대응하지 못하고 설명식 문장으로 서술하여 번역하였다. 이는 속담의 언어적 특성과 기능에 대한 이해뿐만 아니라, 효과적인 번역 전략에 대한 지식이 부족하기 때문에 발생한 것으로 보인다.

"가는 날이 장날이다"는 "어떤 일을 계획해서 진행하는데 예측하지 못한 일이 벌어진다"는 의미이다. 이와 같은 베트남어 속담은 "Mèo mù vớ cá rán" (눈이 먼 고양이가 우연히 튀긴 물고리를 건진다), "Người tính không bằng trời tính" (사람이 계획한 것이 하늘이 계획한 것보다 못한다) 등 많이 있으나 이런 표현을 모르는 학습자들이 위 내용을 풀어서 "어떤 일을 계획해서 진행하는데 예측하지 못한 일이 벌어진다"는 내용을 베트남어로 그대로 서술하여 번역하는 경우가 많았다. 따라서 속담 교육 시에는 단순한 의미 전달과 단어 대응만이 아닌, 그 속에 담긴 상황적 맥락, 은유, 한국 문화 및 한국인의 사고 방식까지 통합적으로 가르치는 접근 방식이 요구된다는 것을 알 수 있다. 또한, 적절한 번역 전략 훈련과 번역 후 검토 활동 등 보다 구체적인 교수 방안을 마련해야 할 필요성이 있다고 본다.

5. 결론

본 연구는 베트남인 한국어 학습자들을 대상으로 설문조사를 실시하여 한국어 속담을 베트남어로 번역하는 과정에서 보이는 오류 양상을 분석하고, 그 원인을 파악하는 데 목적이 있다. 이를 통해 한국어 속담 교육과 통번역 수업에서의 교수·학습 방안 마련에 기초 자료를 제공하고자 하였다.

설문조사 분석 결과, 학습자들의 번역 오류는 세 가지 큰 범주로 나눌 수 있었고, 각각의 오류는 다양한 원인에 기인한 것으로 나타났다. 오류 유형과 그 원인은 다음과 같이 정리할 수 있다.

첫째, '내용 이해 오류'는 속담의 의미 자체를 오해하거나 정확히 파악하지 못한 데서 비롯되었다. 이는 학습자들의 어휘력 부족 또는 은유적 표현에 대한 이해 부족과 관련이 있는 것으로 보인다. 둘째, '내용 해석 범위의 오류'는 속담의 본래 의도보다 의미를 좁게 또는 넓게 해석하면서 발생하였다. 의미 축소 번역은 일부 어휘나 문법 요소에만 초점을 맞추어 전체 의미가 누락되는 현상이며, 의미 확대 번역은 필요 이상의 설명이나 확장을 시도하면서 속담의

간결성과 핵심 의미가 흐려지는 양상으로 나타났다. 셋째, '내용은 이해했으나 번역 과정에서의 오류'는 속담의 문화적 맥락을 고려하지 않은 직역, 또는 대응 표현이 있음에도 불구하고 설명식 번역을 택한 경우였다. 또한, 관련 배경지식 부족으로 인해 번역의 정확성이 떨어지는 사례도 확인되었다. 특히 속담의 문화적·상징적 의미를 고려하지 않은 채 표면적 의미만을 해석하거나, 한국어와 베트남어 간의 대응 속담이 존재함에도 불구하고 직역하거나 설명식 번역을 택함으로써 발생한 오류들이 두드러지게 나타났다. 이러한 오류는 단순한 언어 지식의 부족을 넘어, 속담이라는 언어문화적 표현을 이해하고 활용하는 데 요구되는 배경지식과 문화 간 소통 능력이 충분히 갖추어지지 않았음을 시사한다. 따라서 한국어 교육 현장에서는 속담 교육 시 단순한 의미 전달을 넘어, 속담이 사용되는 문화적 맥락과 기능에 대한 심층적인 설명과 실제적 사용 사례 중심의 교육이 필요해 보인다. 아울러 통번역 교육에서도 속담 번역을 위한 대응 표현 제시, 번역 전략 훈련, 번역 후 검토 활동 등 보다 구체적이고 체계적인 교수 방안이 마련되어야 할 것이다.

본 연구는 번역 오류 분석을 위해 각 속담의 개별 문장 단위 번역을 중심으로 조사를 실시하였으며, 속담이 담화 내에서 어떻게 사용되는지를 반영한 문맥 속 번역 오류 분석은 수행하지 못했다는 제한점이 있다. 실제 의사소통 상황에서는 속담이 대화문이나 글의 흐름 속에서 사용되므로, 맥락 기반 분석이 병행되어야 보다 실제적인 오류 유형을 확인할 수 있을 것이다. 또한, 오류 유형별 정량적 분석(예: 오류 비율, 오류 빈도 등)이 부족하여, 각 오류 유형의 심각도나 대표성을 명확히 비교하기 어려운 한계가 있다. 향후 연구에서는 보다 정교한 통계 분석과 오류 비율, 오류 빈도 등을 통해 속담 번역 오류에 대한 연구를 지속적으로 수행하고자 한다.

<참고문헌>

교재

고려대학교 한국어문화교육센터. (2010). *재미있는 한국어 3~4*. 고려대학교출판부.

구재희, 현진희, 이소영, 황선영 & 김민선. (2011). *이화 한국어 3-1~3-2*. 이화여자대학교출판부.

연세대학교 한국어학당. (2013). *연세 한국어 4-2*. 연세대학교 대학출판문화원.

이정연, 김혜진, 윤지현, 정민아 & 신희원. (2012). *이화 한국어 5*. 이화여자대학교출판부.

이정희, 김중섭, 조현용, 윤연진, 정미향 & 김지혜. (2014). *경희 한국어 4~5*. 하우출판사.

최은규, 김민아, 박선영, 정희정 & 이수진. (2015). *서울대 한국어 Student's Book 4A~4B*. 서울대학교 언어교육원.

최은규, 김민아, 박선영, 정희정 & 이수진. (2021a). *서울대 한국어 Student's Book 5A~5B*. 서울대학교 언어교육원.

최은규, 김민아, 박선영, 정희정 & 이수진. (2021b). *서울대 한국어 Student's Book 6*. 투판즈출판사.

논문

김경열. (2017). 속담을 활용한 한국어 교육 방안 연구－문법과 의미 교육을 중심으로. *새국어교육*, *110*, 183–212.

김민영. (2023). 한국어 번역 교육을 위한 번역오류 유형화 고찰. *한국언어문화학*, *20*(2), 1–27.

김선정, 김성수. (2006). 한국어 속담 교재 개발을 위한 기초연구 및 모형 제시. *Foreign Languages Education*, *13*(2), 489–507.

박덕영. (2015). 한국어 교재에 나타난 속담 교육 연구. *언어학연구*, *20*(1), 59–78.

박지수. (2016). 한영 속담 번역에서의 은유 처리 - 관용적 등가로서의 번역을 중심으로. *통역과 번역*, *18*, 31–55.

송은정. (2023). 한국어 학습자의 속담 사용에 나타난 형태적 양상 분석. *한국언어문화학*, *20*(1), 89–112.

신윤경, 이진경. (2024). '한국어 통번역 수업'을 위한 한국어교원 교육역량 연구 - 세종학당 통번역 시범운영 교원교육 내용 분석을 중심으로. *어문론집*, *100*, 585–610.

이경, Tran Thi Van. (2022). 베트남 내 대학의 한국어 학습자를 위한 한베 통번역 교재 개발 기초 연구: 대학 교원 대상 설문 및 인터뷰 결과를 중심으로. *문화교류와 다문화교육(구 문화교류연구)*, *11*(5), 251–279.

이민우. (2012). 외국어로서의 한국어 통번역과정 개발 연구. *한국어교육*, *23*(4), 233–259.

임도연, 박연관. (2022). 베트남 세종학당의 한국어 통·번역 교육과정 운영 현황과 발전 방향. *베트남연구*, *20*(2), 115–141.

임은하. (2009). 한국어 학습자의 속담 오류유형 분석 - 한국어학습자의 쓰기 평가지에 나타난 속담오류를 중심으로. *외국어로서의 한국어교육*, *34*, 375–407.

웬 티 응옥 아잉. (2017). *한국과 베트남의 신체 어휘 관련 속담 비교 연구*. [석사학위논문, 한남대학교 대학원]. 대전.

조정민. (2024). 국제회의 한국어 연설문에 인용된 아랍 속담과 한국 속담의 한-아 번역 전략 연구. *아랍어와 아랍문학*, *28*(3), 155–185.

조현용. (2007). 한국어 속담 교육 연구. *한국어교육*, *18*(2), 423–458.

정성헌. (2020). 의사소통 기능을 반영한 한국어 속담의 교육 방안 연구. *청람어문교육*, *73*, 331–355.

즈엉탄수안. (2024). *한국과 베트남의 가족 관련한 속담 대조 연구*. [석사학위논문, 호남대학교 대학원]. 광주.

쩐 하이 즈엉. (2021). 베트남 북부 대학의 한국어(학)과 통번역 교육의 현황과 과제. *인문사회*, 21, *12*(4), 1621–1636.

Hoàng Thị Hải Anh. (2022). Giá trị giáo huấn và phê phán của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ trâu/bò (liên hệ với tiếng Việt). *Tạp chí Khoa học Đại học Hạ Long*, (3), 60–68.

Hoàng Thị Yến. (2006). *Tục ngữ so sánh tiếng Hàn trong tương quan với tiếng Việt*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.

Hoàng Thị Yến. (2017). Tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con mèo. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, *33*(2), 155–167.

Hoàng Thị Yến. (2018). Đặc trưng văn hóa Hàn Quốc qua tục ngữ có yếu tố chỉ con ngựa. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, *34*(3), 138–152.

Hoàng Thị Yến. (2022a). Giá trị truyền kinh nghiệm của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó. *Tạp chí KHXH&NV*, 8(1), 110–121.

Hoàng Thị Yến. (2022b). Phân biệt nữ giới trong tục ngữ Hàn Quốc (có liên hệ với tục ngữ Việt Nam). *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, *38*(4), 107–122.

Lê Thị Hương. (2015). *Thành ngữ, tục ngữ Hàn Quốc nói về động vật và thực vật (một vài so sánh với Việt Nam)*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.

Nguyễn Hải Hà, Chu Thị Huyền Mi & Trần Thị Bích Ngọc. (2015). Các lỗi thường gặp trong bài dịch của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp tại Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. *Ngôn ngữ và Đời sống*, *Số 7*(237), 52–58.

Nguyễn Lân. (2010). *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.

Nguyễn Thùy Dương. (2013). *Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Hàn*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.

Tô Minh Tùng. (2020). 한국과 베트남 속담 비교 고찰 – 신체언어를 중심으로. *문화와 융합*, *42*(1), 169–200.